

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 7 - 2022

V/v ly hôn giữa chị L và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành

Ông Nguyễn Văn Hình

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

ĐKHKT: Xóm 10, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ hiện nay: Trung B, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Anh Cồ Năng C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 10, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2022 và bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Cồ Năng C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C không tu trí làm ăn, nghiện ma túy mặc dù đã được chị và người thân cho áp dụng các biện pháp cai nghiện nhưng không thành, từ tháng 10 năm 2020 đến nay chị và anh C đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục đoàn tụ,

chung sống với nhau được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực giải quyết cho chị được ly hôn anh Cồ Năng C.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh C có 01 con chung là Cồ Thị Khánh N, sinh ngày 15/01/2016 hiện nay con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh C cấp dưỡng, vì hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty TNHH Nexcon có trụ sở tại Đông Thọ, huyện Yên phong tỉnh Bắc Ninh thu nhập hằng tháng từ 07 - 08 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Cồ Năng C đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận giữa chị Nguyễn Thị L và anh Cồ Năng C là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Áp dụng khoản Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Tiếp tục giao cháu Cồ Thị Khánh N, sinh ngày 15/01/2016 cho chị L nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

- Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Cồ Năng C đã được Tòa tổng đạt (niêm yết) công khai giấy triệu tập phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh C vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản

3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L trình bày chị và anh Cồ Năng C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào năm 2011. Quá trình anh chị chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung anh C chơi bời không tu trí làm ăn. Từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Cồ Năng C đã được Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tuy nhiên quá trình tố tụng tại Tòa án chị L không Cng cấp được tài liệu thể hiện việc chị và anh C có đăng ký kết hôn hợp pháp tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày 06/6/2022 Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương - Đại diện UBND xã Đ Cng cấp: Hiện nay trong giữ liệu lưu trữ tại xã Đ không có tài liệu nào thể hiện chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 và anh Cồ Năng C, sinh năm 1988 có đăng ký kết hôn tại địa phương, nhưng anh C và chị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016. Trường hợp chị Nguyễn Thị L trình bày chị và anh Cồ Năng C chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn thì tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là Cồ Thị Khánh N, sinh ngày 15/01/2016 hiện đang ở với chị L.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh C vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung; chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, hiện nay chị đang làm công nhân có thu nhập ổn định, nên không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Tiếp tục giao con chung là Cồ Thị Khánh N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh C không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Cồ Năng C.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Cồ Thị Khánh N, sinh ngày 15/01/2016 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0004649, ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh